

Số: /2026/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày tháng năm 2026

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/2025/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Quyết định 10/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số .../TTr-STC ngày ... tháng ... năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/2025/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên,

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/2025/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên.

1. Sửa đổi Điều 3 như sau:

“Điều 3. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh

1. Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh quyết định cho đơn vị mình và đơn vị trực thuộc trong các trường hợp cần thiết phải thực hiện sau:

a) Bổ sung số lượng máy móc, thiết bị đã quy định tại phần VI, VII, VIII mục A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại phần VI, VII, VIII Mục A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao.

b) Điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá máy móc, thiết bị quy định tại phần VI, VII, VIII mục A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong các trường hợp cần thiết nêu tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.”

2. Sửa đổi Điều 4 như sau:

“Điều 4. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung

1. Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh quyết định cho đơn vị mình và đơn vị trực thuộc trong các trường hợp cần thiết phải thực hiện sau:

a) Bổ sung số lượng máy móc, thiết bị đã quy định tại mục B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại mục B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao;

b) Điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg;

c) Trang bị máy móc, thiết bị quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg;

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong các trường hợp cần thiết nêu tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.”

3. Bổ sung Điều 4a vào sau Điều 4 như sau:

“Điều 4a. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số

1. Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh, UBND cấp xã quyết định số lượng máy móc, thiết bị quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg trong các trường hợp sau:

a) Trang bị cho các chức danh tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý mà theo chức năng, nhiệm vụ được giao phải thường xuyên xử lý công việc có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

b) Trang bị cho các chức danh hoặc tại phòng làm việc tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước ngoài trường hợp quy định tại khoản a, điểm 1 Điều này.

2. Trường hợp cơ quan chủ trì triển khai xử lý hồ sơ công việc chứa bí mật nhà nước trên môi trường số yêu cầu trang bị máy móc, thiết bị (từ số thứ tự 1 đến số thứ tự 6) có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình mà có mức giá cao hơn và trường hợp trang bị máy móc, thiết bị tại số thứ tự 7, số thứ tự 8 Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước:

a) Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh quyết định mức giá để phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng cho đơn vị mình và đơn vị trực thuộc.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mức giá để phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý.”

4. Bổ sung Điều 4b vào sau Điều 4a như sau:

Điều 5b. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số

a) Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh quyết định số lượng và mức giá đối với máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số quy định quy định tại Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg cho đơn vị mình và đơn vị trực thuộc; mức giá phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định quyết định số lượng và mức giá đối với máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số quy định quy định tại Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý; mức giá phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng.”

5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 1 Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi điểm b như sau:

“b) Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo quy định của văn bản chuyên ngành cho các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý;”

b) Bổ sung điểm c như sau:

“c) Các cơ sở đào tạo ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo quy định của văn bản chuyên ngành cho đơn vị mình.”

Điều 2. Bổ sung một số quy định của Quyết định số 139/2025/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên.

1. Bổ sung một số cụm từ của Điều 1 như sau:

a) Bổ sung cụm từ “ được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại khoản 1, khoản 3 Điều 1; điểm b khoản 2, điểm 3, điểm 4 Điều 2 Quyết định 10/2026/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 15/2025/QĐ-TTg,” vào sau cụm từ “Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị” tại khoản 1.

b) Bổ sung cụm từ “, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg,” vào sau cụm từ “Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg” tại khoản 2.

2. Bổ sung một số cụm từ của Điều 5 như sau:

a) Bổ sung cụm từ “và đào tạo” vào sau cụm từ “lĩnh vực giáo dục” tại khoản 1, khoản 2.

b) Bổ sung cụm từ “được bổ sung tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg,” vào sau cụm từ “quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg” tại khoản 2.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Quy định chuyển tiếp

a) Trong thời gian cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định tại Điều 5 Quyết định này mà cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng nhằm đảm bảo duy trì hoạt động thường xuyên tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thì căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao và nguồn kinh phí

được phép sử dụng để tiếp tục thực hiện mua sắm theo tiêu chuẩn, định mức đã được quy định còn phù hợp đến hết ngày 31 tháng 8 năm 2026.

b) Trường hợp đã trang bị máy móc, thiết bị trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng máy móc, thiết bị đã được trang bị cho đến khi được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tham mưu hoặc triển khai các nội dung hướng dẫn về yêu cầu kỹ thuật, cấu hình tối thiểu của máy tính và một số thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số theo quy định tại Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg và điều chỉnh, bổ sung danh mục, yêu cầu kỹ thuật, cấu hình tối thiểu trong trường hợp cần thiết theo hướng dẫn của văn bản chuyên ngành.

2. Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh, UBND cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và việc thực hiện quy định tại Quyết định này; xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị theo quy định của pháp luật.

3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hưng Yên; thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Báo, Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên;
- Trung tâm Thông tin - hội nghị tỉnh;
- Lưu VT, TH.

Nguyễn Mạnh Quyền